

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1444/2025/DS-ST

Ngày: 02/10/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2025 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2478/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa (trước là phường Võ Thị Sáu, Quận 3), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín** ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 và ủy quyền lại số 1284/2024/UQ-TGD ngày 29/02/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín)

2. Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 48/31 Trường Sa, phường Gia Định (trước là Phường 17, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 03/10/2022, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 436438 – 9146, loại thẻ Visa, hạn mức sử dụng là 45,000,000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 11,004,918 (mười một triệu không trăm lẻ bốn nghìn chín trăm mười tám) đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 8,157,869 (tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi chín) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/5/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngày 27/10/2022, bị đơn đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay với số tiền giải ngân là 36,000,000 (ba mươi sáu triệu) đồng qua số tài khoản 3972608859 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tổng số tiền bị đơn thanh toán cho Ngân hàng tính từ ngày giải ngân là 2,932,000 (hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/4/2023, Ngân hàng đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng 52,894,901 (năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tư nghìn chín trăm lẻ một) đồng, trong đó đối với thẻ tín dụng số 436438 – 9146 là 8,311,209 (tám triệu ba trăm mười một nghìn hai trăm lẻ chín) đồng, bao gồm nợ gốc là 5,903,431 (năm triệu chín trăm lẻ ba nghìn bốn trăm ba mươi một) đồng và lãi quá hạn là 2,407,778 (hai triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám) đồng tạm tính đến ngày 25/02/2024; đối với khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay là 44,583,692 (bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai) đồng, bao gồm nợ gốc là 35,780,000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng và lãi quá hạn là 8,603,692 (tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm chín mươi hai) đồng, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hòa giải. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/8/2025.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa ghi nhận vấn đề sau đây:

A. Tại bản tự khai ngày 02/10/2025, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng gốc, lãi cho thẻ tín dụng số 436438 – 9146 và khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay là 83,871,043 (tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó đối với thẻ tín dụng số 436438 – 9146 lãi được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn 06/5/2023, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn là 3,72%/tháng là 6,714,816 (sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn tám trăm mười sáu) đồng; đối với khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay lãi được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn 26/4/2023, tạm tính đến

ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn là 2,33%/tháng là 35,472,796 (ba mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

B. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có bản tự khai.

C. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số X Trường Sa, phường Gia Định (trước là Phường 17, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn ủy quyền hợp lệ cho cá nhân tham gia tố tụng, đúng theo quy định tại Điều 138, 141, 562, 563, 564 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn để làm rõ quá trình sử dụng thẻ và vay tiêu dùng nhưng bị đơn đều vắng mặt. Các thông tin về vụ kiện đã được niêm yết công khai nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi nào. Như vậy, bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu của nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Đối với thẻ tín dụng số 436438 – 9146: Theo sao kê chi tiết tài khoản tên ông Lê Minh H có cơ sở xác định bị đơn đã sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch mua hàng, thanh toán trực tuyến vào các ngày 05/12/2022, 05/01/2023, 05/02/2023 với tổng số tiền là 11,004,918 (mười một triệu không trăm lẻ bốn nghìn chín trăm mười tám) đồng. Bị đơn đã thanh toán các ngày 05/11/2022, 05/12/2022, 05/01/2023, 05/3/2023, 05/6/2023, tổng số tiền là 8,157,869 (tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi chín) đồng, số tiền nợ quá hạn còn lại chưa thanh toán là 5,903,431 (năm triệu chín trăm lẻ ba nghìn bốn trăm ba mươi một) đồng bao gồm gốc, lãi, phí phạt. Do bị đơn không

thanh toán số tiền tối thiểu trong 04 kỳ liên tiếp từ ngày 05/2/2023 đến 05/5/2023 theo các Điều 13, 18, 19, 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S (có hiệu lực từ ngày 29/11/2019) nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng của chủ thẻ và tiến hành thu hồi nợ vay từ ngày 06/5/2023 là đúng theo quy định tại các Điều 465, 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố) đối với toàn bộ dư nợ bao gồm các giao dịch, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên, tổng cộng là 12,618,247 (mười hai triệu sáu trăm mười tám nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với khoản vay tiêu dùng S Pay: Theo sao kê chi tiết tài khoản 3972608859, chủ tài khoản là ông Lê Minh H có cơ sở xác định nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã rút tiền mặt từ tài khoản, số tiền 36,000,000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Bị đơn thanh toán vào các ngày 25/12/2022, 25/7/2023, 25/4/2024, tổng số tiền là 3,132,000 (ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng. Bị đơn liên tục chậm thanh toán, không thanh toán theo thỏa thuận tại các Điều 3, 4, 5, 6 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay. Ngân hàng chấm dứt cho vay và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo quy định tại các Điều 465, 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất trong hạn) đối với toàn bộ dư nợ là đúng quy định của pháp luật. Ngày 26/4/2023, dư nợ khoản vay được chuyển thành nợ quá hạn bao gồm nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan, tổng cộng là 35,780,000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

[6] Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Tại khoản 4 Điều 4 và khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng thì một năm là 365 ngày. Tại Điều 23, 24 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S không ghi nhận lãi được tính theo ngày, tháng hay năm mà chỉ quy định lãi tính từ ngày ghi nợ hoặc từ giao dịch.

[7] Đối với thẻ tín dụng số 436438 – 9146, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 3.72%/tháng (150% của lãi suất trong hạn là 2.48%/tháng), từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 881 ngày đúng theo thỏa thuận, tổng số tiền lãi quá hạn là 6,714,816 (sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn tám trăm mười sáu) đồng.

[8] Đối với khoản vay tiêu dùng S Pay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 2.33%/tháng (150% của lãi suất trong hạn là 1.55%/tháng), từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 891 ngày đúng theo thỏa thuận, tổng số tiền lãi quá hạn là 35,472,796 (ba mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín sáu) đồng.

[9] Lãi tiếp tục được tính theo lãi suất trong hợp đồng cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi với cách tính lãi như trên là đúng, có căn cứ chấp nhận.

[10] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 83,871,043 (tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi ba) đồng.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, 85, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 116, 117, 118, 119, 134, 138, 141, 280, 357, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 83,871,043 (tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi một

ngàn không trăm bốn mươi ba) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 03/10/2022 và đề nghị vay của bị đơn trên ứng dụng Sacombank Pay của Sacombank ngày 27/10/2022.

Việc thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả đủ số tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 4,193,552 (bốn triệu một trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi hai) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 1,322,000 (một triệu ba trăm hai mươi hai ngàn) đồng theo Biên lai số 0054264 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh (nay là Thi hành án dân sự Khu vực 5), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV5, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh